

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 31-05-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Tới - Hiệu trưởng Trường THPT Chi Lăng;

Ông Châu Kim Ba – Phó Chủ tịch UBNDTTQ Việt Nam thị xã Tịnh Biên.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2024 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. **Lê Quý T**, sinh ngày 09/10/2004, nơi cư trú: tổ F, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: tổ G, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; Đảng, Đoàn: không; cha tên Lê Văn S, sinh năm 1954, mẹ tên La Thị G, sinh năm 1950; anh chị em ruột có 02 người, bị can là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo Lê Quý T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Phước T1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T4 (có mặt).

1.2. **Nguyễn Thành T2**, sinh ngày 09/09/2007, nơi cư trú: tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; Đảng, Đoàn: không; cha, mẹ và các anh em ruột không xác định được.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo Nguyễn Thành T2 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Quốc S1 – Bí thư Đoàn thanh niên phường N (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Phước T1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T4 (có mặt).

2. *Bị hại*: em Nèang Ma Du R, sinh năm 2011, nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp: bà Nèang N, sinh năm 1991, nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: bà Trần Thị Cẩm S2 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T4 (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Em Nèang Sóc V, sinh năm 2014, nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp: ông Chau R1, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945, nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

4. *Người làm chứng*: Chau S (vắng mặt) và ông Chau R1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 28/8/2023, Lê Quý T điều khiển xe đạp chở Nguyễn Thành T2 - sinh ngày 09/9/2007 ngồi phía sau chạy trên Hương lộ A, hướng T về A. Khi đến khu vực chợ L3 thuộc tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, thì T2 thấy em Nèang Ma Du R2 - sinh ngày 13/4/2011, đang cầm điện thoại di động hiệu Vivo Y02T cùng em Nèang Sóc V1 - sinh ngày 13/9/2014 và em Nèang Kim L1 – sinh năm 2012 đang ngồi xem điện thoại trước cửa nhà. Lúc này, T2 nảy sinh ý định cướp giật điện thoại trên, nên T2 rủ được T đồng ý.

Để thực hiện, T dừng xe đạp cặp lề đường bên phải cách nhà em Ra khoảng 10 mét để cảnh giới, còn T2 xuống xe đi bộ đến chỗ em R2 giật lấy điện thoại trên tay em R2, rồi nhanh chóng lên xe đạp cho T điều khiển xe chạy tẩu thoát. Lúc này, Chau Sếch L2 – sinh ngày 08/3/2009 nhìn thấy sự việc liền truy đuổi theo T và T2, thì T2 nhảy xuống xe cách La khoảng 06 – 07 mét dùng tay dọa đánh L2, nên L2 sợ không truy đuổi theo nữa, rồi T điều khiển xe đạp chở T2 đi vào đường đất để bỏ trốn, do sợ bị bắt T kêu T2 ném bỏ điện thoại xuống đường, rồi cả hai điều khiển xe đạp chạy về nhà T. Đến ngày 29/8/2023, T và T2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật điện thoại của em Ra như nội dung vụ án.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 1725/KL-HĐĐG.TTHS ngày 05/9/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo Y02T, được định giá 1.300.000 đồng và 01 ốp lưng điện thoại di động Vivo Y02T, màu xanh: Không định giá do bán kèm theo điện thoại.

Căn cứ thông báo số 432/TB- PC09 ngày 10/10/2023, của Phòng K Công an tỉnh A về việc không chấp nhận đề nghị trưng cầu giám định. Lý do đối tượng giám định file video clip gửi giám định không phải là file copy từ dữ liệu gốc, mà quay lại màn hình ứng dụng trên điện thoại.

Căn cứ Bản kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 6965/KLGĐĐT-C09B ngày 10/11/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 tại TP ., kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 11 năm 2023) Nguyễn Thành T2 có độ tuổi từ 15 năm 09 tháng đến 16 năm 03 tháng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y02T, đã trả lại cho bị hại Neàng Ma Du Ra; 01 xe đạp màu trắng bạc; 01 cái áo sơ mi tay dài màu đen, 01 cái quần vải dài màu đen; tạm giữ của bị can Lê Quý T; 01 cái áo thun ngắn tay màu đen; 01 cái quần thun ngắn màu xanh; tạm giữ của bị can Nguyễn Thành T2.

Ngày 07/09/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Lê Lý T3, đến ngày 12/12/2023 khởi tố bị can đối với Nguyễn Thành T2 về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Cáo trạng số 41/CT-VKSTB.HS ngày 16 tháng 04 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố các bị cáo Lê Quý T và Nguyễn Thành T2 về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Quý T và Nguyễn Thành T2 đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, T còn khai nhận xe đạp do T làm chủ sở hữu.

Trong phần nói sau cùng bị cáo Lê Quý T xin lỗi gia đình người bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm quay về sống có ích cho gia đình, xã hội; riêng bị cáo Nguyễn Thành T2 không nói gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Về tội danh: tuyên các bị cáo Lê Quý T; Nguyễn Thành T2 phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quý T mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe đạp màu trắng bạc;

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo sơ mi tay dài màu đen, 01 cái quần vải dài màu đen; 01 cái áo thun ngắn tay màu đen; 01 cái quần thun ngắn màu xanh.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Trợ giúp viên trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Thành T2 như sau:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Cướp tài sản” theo tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng, lời luận tội của Viện kiểm sát đã nêu.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đầu thú; được người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; mặt khác tại thời điểm phạm tội bị cáo T2 là người dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội sớm tái hòa nhập cộng đồng, xã hội, để sửa chữa bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội. Đề nghị áp dụng hình phạt bằng mức thấp nhất theo khung đề nghị của Viện kiểm sát cho hai bị cáo;

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: không có ý kiến, thống nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên trình bày lời bảo vệ cho người bị hại:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Cướp tài sản” theo tội danh và khung hình phạt như C, lời luận tội của Viện kiểm sát đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; phạm tội với lỗi cố ý; phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo

các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bằng khung đề nghị của Viện kiểm sát.

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: thống nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: các bị cáo Lê Quý T và Nguyễn Thành T2 bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã T khởi tố về hành vi “*Cướp giật tài sản*” do các bị cáo thực hiện trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

[2] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bà L1, em L2 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, tuy nhiên những người tham gia tố tụng này đều đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Về hành vi phạm tội: tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Thành T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo không oan sai; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay được đối chiếu với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng và các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: lúc 12 giờ ngày 28/8/2023, Lê Quý T điều khiển xe đạp chở Nguyễn Thành T2 đến khu vực chợ L3 thuộc tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang thì các bị cáo T và T2 có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y02T của em Neàng Ma Du R2 - sinh ngày 13/04/2011 (là người dưới 16 tuổi). Hành vi của các bị cáo T và T2 đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm

2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố các bị cáo Lê Quý T và Nguyễn Thành T2 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà các bị cáo thực hiện là rất táo bạo, rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho người dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương; chỉ vì bản tính ham chơi, lười lao động, muốn có tài sản của người khác, xem thường pháp luật mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại là trẻ em. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ thời gian cải tạo, răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

Về tính chất, đây là vụ án có đồng phạm, thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết, phân công cụ thể mà cùng thống nhất ý chí và có sự hỗ trợ cho nhau trong cùng thực hiện tội phạm.

Tại thời điểm thực hiện tội phạm, bị cáo T2 dưới 18 tuổi. Do đó, trong quá trình lượng hình phạt có xem xét áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho bị cáo T2 theo hình phạt áp dụng cho người chưa thành niên (từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) phạm tội theo quy định tại Chương XII về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên; người bào chữa cho bị cáo.

[7] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phát hiện tội phạm các bị cáo đến Công an đầu thú; các bị cáo được người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ một hình phạt nên xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: đối với công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với vật chứng khác không có giá trị hoặc không sử dụng được nên được tịch thu tiêu hủy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: người đại diện của bị hại không yêu cầu gì đối

với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

[10] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi của các bị cáo có thể phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[11] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên; người bào chữa cho các bị cáo; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: miễn cho bị cáo Lê Quý T thuộc diện hộ nghèo; bị cáo Nguyễn Thành T2 là trẻ em (dưới 18 tuổi) cùng có đơn xin miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quý T và Nguyễn Thành T2 phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Quý T 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành án được tính kể từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam là ngày 29/08/2023 và tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay để đảm bảo cho thi hành án.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe đạp màu trắng bạc (đã qua sử dụng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo sơ mi dài tay màu đen, có dòng chữ in hoa văn màu trắng; 01 (một) cái quần vải dài màu đen; 01 (một) cái áo thun ngắn tay màu đen, sau lưng có dòng chữ liên minh huyền thoại; 01 (một) cái quần thun ngắn màu xanh, hai bên ống quần có sọc màu trắng.

Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 19/04/2024 giữa Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T với Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Quý T và bị cáo Nguyễn Thành T2.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo T2; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Đội CSTHAHS Công an thị xã Tịnh Biên;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

Châu Nam Phú